

Số: 12 /2022/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định:

a) Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các chương trình, dự án khác ở địa phương;

c) Cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

d) Nội dung thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025 (sau đây viết tắt là *Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là *huyện*) và các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tạo quyền chủ động cho các cơ quan cấp tỉnh và các huyện trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

c) Thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

d) Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

đ) Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025.

2. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các

huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Số lượng tuyển sinh đào tạo nghề trên địa bàn huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Tỷ lệ phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Dự án: phân bổ 100% vốn cho các huyện.

2. Tiêu chí và hệ số vốn cho từng huyện:

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 3,9%	0,03
Từ 3,9% đến dưới 5%	0,04
Từ 5% đến dưới 6%	0,05
Từ 6% đến dưới 12%	0,09
Từ 12% trở lên	0,13

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.500 hộ	0,04
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,05
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,06
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,09
Từ 4.000 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,11
Từ 4.200 hộ đến dưới 4.600 hộ	0,12
Từ 4.600 hộ trở lên	0,13

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	0,06
Từ 10 xã đến dưới 18 xã	0,09

18 xã	0,11
-------	------

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án này.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Điều 6. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: phân bổ 100% vốn cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện: áp dụng tiêu chí và hệ số phân bổ vốn quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện: áp dụng phương pháp tính, xác định phân bổ vốn quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

Điều 7. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

a) Tỷ lệ phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: phân bổ 100% vốn cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện:

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 3,9%	0,03
Từ 3,9% đến dưới 5%	0,04
Từ 5% đến dưới 6%	0,05
Từ 6% đến dưới 12%	0,09

Từ 12% trở lên	0,13
----------------	------

Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.500 hộ	0,04
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,05
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,06
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,09
Từ 4.000 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,11
Từ 4.200 hộ đến dưới 4.600 hộ	0,12
Từ 4.600 hộ trở lên	0,13

Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	0,06
Từ 10 xã đến dưới 18 xã	0,09
18 xã	0,11

Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	Hệ số
Dưới 300 người/năm	0,03
Từ 300 người/năm đến dưới 600 người/năm	0,07
Từ 600 người/năm trở lên	0,13

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án này.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh đào tạo nghề trên địa bàn huyện thứ i .

2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

Điều 8. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Tỷ lệ phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Phân bổ tối thiểu 35% vốn cho cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án; tối đa 65% vốn cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện: Áp dụng tiêu chí và hệ số phân bổ vốn quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện: Áp dụng phương pháp tính, xác định phân bổ vốn quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 9. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Tỷ lệ phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Phân bổ tối thiểu 35% vốn cho các cơ quan cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình; tối đa 65% vốn cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện: Áp dụng tiêu chí và hệ số phân bổ vốn quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện: Áp dụng phương pháp tính, xác định phân bổ vốn quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

Mục 2

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, căn cứ vốn ngân sách Trung ương phân bổ, ngân sách địa phương (*cấp tỉnh, cấp huyện*) bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, việc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho từng dự án, tiểu dự án tương ứng với tỷ lệ phân bổ

vốn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này.

Mục 3

CƠ CHẾ LỒNG GHÉP, HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 11. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025

1. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn

a) Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện.

b) Đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

c) Quá trình lồng ghép phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

d) Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương.

đ) Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép.

2. Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác.

a) Dự án đầu tư.

b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Các nội dung khác thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

3. Các nguồn vốn thực hiện lồng ghép:

a) Ngân sách Trung ương: ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025; nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn ODA.

b) Ngân sách địa phương: ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện đầu tư trên địa bàn cấp huyện, cấp xã nhằm đạt các mục tiêu và tiêu chí xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo.

c) Nguồn vốn tín dụng.

d) Nguồn vốn hợp pháp khác: vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư; đóng góp (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 12. Cơ chế huy động các nguồn lực khác (*nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác*) thực hiện Chương trình

1. Huy động nguồn vốn tín dụng

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung thuộc phạm vi đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Sử dụng nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của từng chính sách tín dụng và các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng; khuyến khích cho vay ủy thác qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội.

2. Huy động nguồn vốn hợp pháp khác

a) Huy động, thu hút nguồn vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

b) Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*), doanh nghiệp, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo sự tham gia đóng góp phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng vốn huy động hợp pháp thực hiện Chương trình: vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua các chính sách thu hút đầu tư được sử dụng theo quy định của pháp luật đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đóng góp (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện phân bổ, sử dụng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

Điều 13. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT/TU, UBND, UBNDTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng